|  |  |
| --- | --- |
| ĐẢNG BỘ TỈNH BẮC GIANG**THỊ UỶ VIỆT YÊN** **\*** | **ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** |
| Số: -KH/TU | *Việt Yên, ngày tháng 4 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH
Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, bố trí giáo viên
các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, trung tâm giáo dục nghề nghiệp-
giáo dục thường xuyên công lập giai đoạn 2024-2030
-----**

**DỰ THẢO**

Luật Giáo dục ngày 14/6/2019; Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới Chương trình, sách giáo khoa (SGK) giáo dục phổ thông; Nghị quyết số 51/2017/QH14 ngày 21/11/2017 của Quốc hội điều chỉnh lộ trình thực hiện chương trình, SGK giáo dục phổ thông mới theo Nghị quyết số 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 của Quốc hội về đổi mới chương trình, SGK giáo dục phổ thông;

Căn cứ Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục đẩy mạnh đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông (Chỉ thị số 32/CT-TTg); Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đồ án Quy hoạch đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến năm 2045, tỉ lệ 1/10.000;

Căn cứ các thông tư của Bộ GDĐT: Thông tư số 17, 18, 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận trường đạt CQG đối với trường mầm non (MN), trường tiểu học (TH); trường trung học cơ sở (THCS); Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2000 ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất (CSVC) các trường MN, TH, THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Kết luận số 293-KL/TU ngày 09/4/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về việc tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo đầu tư cơ sở vật chất (CSVC), bố trí giáo viên (GV) các trường mầm non (MN), trung tâm giáo dục nghề nghiệp- giáo dục thường xuyên (TTGDNNGDTX) đến năm 2030 (Kết luận số 293-KL/TU),

Thị ủy Việt Yên ban hành kế hoạch đầu tư xây dựng CSVC, bố trí GV đối với các cơ sở giáo dục MN, phổ thông, TTGDNNGDTX công lập giai đoạn 2024-2030 (sau đây gọi là Kế hoạch), cụ thể như sau:

**I- THỰC TRẠNG QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP, CƠ SỞ VẬT CHẤT, ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN MN, PHỔ THÔNG VÀ TTGDNNGDTX**

**1. Quy mô trường, lớp, học sinh**

Việt Yên có 71 trường và 01 TTGDNNGDTX; khối Phòng Giáo dục và đào tạo (GDĐT) có 66 trường, trong đó có 28 trường MN[[1]](#footnote-1) (19 trường công lập và 09 trường tư thục), 19 trường tiểu học[[2]](#footnote-2) (TH), 19 trường trung học cơ sở (THCS); khối trung học phổ thông (THPT) có 05 trường (03 trường công lập và 02 trường tư thục).

Toàn thị xã có 1.743 lớp, 57.722 học sinh (HS); khối Phòng GDĐT có 1.577 lớp[[3]](#footnote-3), 50.435 HS[[4]](#footnote-4); khối THPT có 146 lớp, 6427 HS, Trung tâm GDNN-GDTX có 20 lớp, 860 HS.

Công tác phổ cập giáo dục (PCGD) các cấp học được củng cố và duy trì vững chắc; 17/17 xã, phường đạt PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, PCGDTH và THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2; thị xã Việt Yên đạt PCGDMN cho trẻ em 5 tuổi, PCGDTH và THCS mức độ 3, xóa mù chữ mức độ 2.

**2. Đội ngũ CBQL, GV các cấp học**

Đội ngũ nhà giáo và CBQL giáo dục được quan tâm, tăng cường về số lượng và chất lượng, cơ bản đảm bảo tỷ lệ và cân đối về cơ cấu bộ môn, đủ GV thực hiện đổi mới chương trình, SGK lớp 1, 2, 3 và 6, 7. Thời điểm tháng 4/2024 các trường công lập trên địa bàn thị xã có 155 CBQL, 2.504 GV; trong đó khối Phòng GDĐT có 146 CBQL (MN: 55, TH: 53, THCS: 38); 2.150 GV (MN: 709, TH: 837, THCS: 604), biên chế: 2.022 (MN: 619, TH: 818, THCS: 585), hợp đồng 128 (MN: 90, TH: 19, THCS: 19); khối THPT có 09 CBQL, 334 GV; Trung tâm GDNN-GDTX có 3 CBQL, 20 GV. Tỉ lệ GV/lớp của MN đạt 1,87 (quy định là 2,2 GV/lớp); TH đạt 1,27 (quy định là 1,5 GV/lớp); THCS đạt 1,57 (quy định là 1,9 GV/lớp); THPT: 2,19. So với số lượng được giao còn thiếu 195 GV.

Tỉ lệ GV đạt chuẩn đào tạo trở lên đạt 82,2%, trong đó khối Phòng GDĐT là 80,5% *(MN đạt 98,9%; TH đạt 79,6%; THCS đạt 90,6%)*; khối THPT đạt 100%. 97,42% CBQL có trình độ trung cấp lí luận chính trị trở lên; trong đó khối Phòng GDĐT 97,3%, khối THPT 100%. GV giỏi cấp thị xã có 816 GV, đạt 37,9% *(trong đó bậc MN: 336; bậc TH: 264, THCS: 216)*; GV giỏi cấp tỉnh chu kì 2020-2024 có 200 GV, chiếm 9,3% *(trong đó bậc THCS: 52; TH: 44 GV; MN:104 GV).*

**3. Cơ sở vật chất**

Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học và hạ tầng CNTT tiếp tục
được đầu tư theo hướng kiên cố, chuẩn hoá, đồng bộ và hiện đại. Trong 04 năm (từ năm 2020 đến nay), thị xã đầu tư xây mới và đưa vào sử dụng 407 phòng học, 147 phòng chức năng, sân, tường, cổng, ... tổng trị giá 524,994 tỉ đồng.

Tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100%; 64/71 trường học đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 90,14%; khối Phòng GDĐT có 61/66 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, đạt tỷ lệ 92,42%; trong đó có 35/66 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt tỷ lệ 53% *(cao nhất tỉnh, cao hơn 2,2 lần bình quân của tỉnh)*; khối THPT có 03/05 trường đạt chuẩn quốc gia, đạt tỉ lệ 60%*.*

Hiện nay, tổng diện tích đất giáo dục 723.976m2 (MN: 224.151m2; TH: 208.024m2; THCS: 186.103m2, THPT: 95.445m2, Trung tâm TGDNN-GDTX: 10.255m2).

**4. Đánh giá chung**

**4.1. Kết quả đạt được**

Thị ủy, HĐND, UBND thị xã Việt Yên đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo phát triển toàn diện sự nghiệp giáo dục và đào tạo trên địa bàn tỉnh. Ngành giáo dục đã làm tốt công tác tham mưu, đổi mới quản lý giáo dục; phối hợp chặt chẽ, kịp thời với các ban, ngành, địa phương chuẩn bị tốt các điều kiện giáo dục (*đội ngũ nhà giáo, CSVC*). Quy mô mạng lưới trường, lớp phát triển hợp lý; công tác PCGD các cấp học được củng cố và duy trì vững chắc. Chất lượng giáo dục toàn diện có nhiều chuyển biến tích cực; công tác bồi dưỡng HS giỏi, HS năng khiếu được đặc biệt quan tâm, chất lượng HS giỏi có tiên bộ.

Công tác xây dựng CSVC trường học, xây dựng trường chuẩn quốc gia được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm đầu tư. Tỷ lệ kiên cố hóa đạt 100% (*cao hơn bình quân của tỉnh 3,6%*); tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 cao nhất tỉnh.

Đội ngũ nhà giáo cơ bản đủ về số lượng, trình độ đạt chuẩn, có ý thức chính trị, phẩm chất đạo đức, có tinh thần trách nhiệm, tích cực học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng được yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

**4.2. Hạn chế, khó khăn**

Số lớp, số HS của các cấp học tăng nhanh; số lớp/trường, số HS/lớp vượt quá định mức quy định; một số trường sáp nhập năm 2018 có số lớp, số HS đã vượt quá quy định của Bộ GDĐT[[5]](#footnote-5) (MN: 09 trường[[6]](#footnote-6), TH 14 trường[[7]](#footnote-7)). Nhiều trường có điểm lẻ, khoảng cách giữa các điểm trường của một số đơn vị cách xa nhau dẫn đến khó khăn trong việc quản lý, nâng cao chất lượng GD nhất là ở các trường MN, TH thuộc các xã Tiên Sơn, Minh Đức, Việt Tiến, Nghĩa Trung.

Tỉ lệ giáo viên/lớp của ba cấp học chưa đảm bảo quy định, thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh; so với biên chế giao năm 2024 thị xã Việt Yên thiếu 195 GV; một số GV bỏ nghề; tỉ lệ GV nghỉ thai sản cao; cơ cấu chưa đảm bảo quy định (có môn thừa, môn thiếu); tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục 2019 thấp hơn mặt bằng chung của tỉnh.

Mặc dù tỉ lệ phòng học kiên cố của toàn thị xã cao, nhưng nhiều phòng học diện tích chật hẹp, nhất là ở cấp TH và THCS; 9/10 trường TH và 02/09 trường THCS đạt CQG mức độ 2 chưa có nhà đa năng theo quy định; một số trường CQG diện tích không đủ theo quy định; trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới chương trình GDPT 2018. Nhiều năm Phòng GDĐT - đơn vị được giao là chủ đầu tư chưa mua được đồ dùng thiết bị dạy học phục vụ cho đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Nhiều trường, điểm trường chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (*MN: , TH: , THCS: , THPT: , TTGDNNGDTX:* ).

**4.3. Nguyên nhân hạn chế, khó khăn**

Do sự gia tăng dân số dẫn đến tăng quy mô HS.

Số HS tăng lên nhiều làm tăng số lớp nhưng số GV không được tăng hoặc tăng ít; nguồn tuyển GV MN và TH không đủ, số GV tuyển mới chỉ đáp ứng số GV nghỉ hưu và xin nghỉ việc nên phải dồn lớp. Việc sáp nhập các trường MN, TH từ những năm trước nên số lớp/trường vượt quá định mức quy định.

Trung tâm GDNN-GDTX chưa được giao biên chế GV đủ theo định mức, nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho các trung tâm theo định mức chi cho số biên chế có mặt, do đó nguồn kinh phí để hợp đồng GV thỉnh giảng được chi từ nguồn thu học phí, mức thu học phí theo quy định bằng mức thu học phí cấp THPT nên không đủ chi.

Tiêu chuẩn, quy chuẩn CSVC các trường MN, phổ thông có nhiều thay đổi, tiêu chí đạt chuẩn cao hơn so với quy định cũ.

Hiệu trưởng một số trường, chính quyền một số địa phương chưa thật quan tâm, thiếu quyết liệt trong việc làm các thủ tục để xin cấp quyền sử dụng đất.

Do suy thoái kinh tế nên nguồn vốn để đầu tư cơ sở vật chất theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 20/7/2022 của UBND thị xã về việc phê duyệt Đề án bổ sung CSVC nhằm phát triển, hiện đại cơ sở giáo dục giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 bị ảnh hưởng.

**II- KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CSVC, BỐ TRÍ GV ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC MN, PHỔ THÔNG, TTGDNNGDTX CÔNG LẬP GIAI ĐOẠN 2024-2030**

**1. Mục đích yêu cầu**

**1.1. Mục đích**

Triển khai thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 32/CT-TTg, Nghị quyết số 32/NQ-CP, Kết luận số 293-KL/TU; huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC cho các cơ sở giáo dục MN, phổ thông, TTGDNNGDTX công lập, bảo đảm theo quy định tại các thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT: Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành Quy định tiêu chuẩn CSVC các trường MN, TH, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học *(Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT)*; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 ban hành ban hành quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông *(Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT);* Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022 ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục MN và phổ thông *(Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT);*

Bố trí đủ số lượng GV cho các cơ sở giáo dục MN, phổ thông, TTGDNNGDTX công lập để thực hiện Chương trình Giáo dục MN, Giáo dục phổ thông, Giáo dục thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 19/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục MN công lập; Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ GDĐT hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập;

Xây dựng CSVC, bố trí đội ngũ nhà giáo đối với các cơ sở giáo dục MN, phổ thông, TTGDNNGDTX công lập giai đoạn 2024-2030 để đáp ứng tốt nhu cầu học tập của con em nhân dân, thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới; phục vụ phát triển kinh tế xã hội, công nghiệp hóa, đô thị hóa.

**2. Yêu cầu**

Mục tiêu, nội dung Kế hoạch phải phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bắc Giang, thị xã Việt Yên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 219/QĐ-TTg ngày 17/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ; Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên; Quyết định số 88/QĐ-TTg ngày 19/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc giang đến năm 2045, tỉ lệ 1/10.000; Quyết định số 733/QĐ-UBND ngày 21/7/2021 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên; Quyết định số 291/QĐ-UBND ngày 27/3/2023 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Việt Yên; đúng với quy định về tiêu chuẩn, định mức của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành; phù hợp với các chương trình, kế hoạch của UBND tỉnh đã ban hành và thực tiễn từng địa phương, từng cơ sở giáo dục.

Cơ sở vật chất, đội ngũ nhà giáo phải bảo đảm các yêu cầu quy định tại các thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT: số 52/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 ban hành Điều lệ Trường MN; số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 ban hành Điều lệ Trường TH; số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/9/2020 ban hành Điều lệ trường THCS, THPT và trường phổ thông có nhiều cấp học; số 13/2020/TT-BGDĐT; số 14/2020/TT-BGDĐT; Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT.

Xác định rõ nhiệm vụ, giải pháp, trách nhiệm của các sở, ban, ngành và UBND các thị xã, thị xã, thành phố. Phải xác định đây là nhiệm vụ quan trọng của cả hệ thống chính trị đối với sự nghiệp giáo dục để đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Tập trung chỉ đạo huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC trường học theo hướng hiện đại, đồng bộ, chuẩn hóa và đáp ứng các điều kiện trường chuẩn quốc gia mức độ 2 đối với các trường được đầu tư.

Bố trí đủ GV để thực hiện có hiệu quả Chương trình Giáo dục MN, Giáo dục phổ thông, Giáo dục thường xuyên đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.1. Quy mô trường, lớp, HS**

a) Giáo dục Mầm non

- Đến năm 2025, toàn thị xã có 29 trường[[8]](#footnote-8); 45 cơ sở giáo dục mầm non độc lập với 577 nhóm/lớp, 14.272 HS, tăng 01 trường (MN Lạc Long Quân ở Hồng Thái), tăng 16 nhóm/lớp, tăng 2 cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tăng 194 HS so với năm 2024. Đến năm 2030 có 31 trường, 50 cơ sở giáo dục mầm non độc lập với 641 nhóm/lớp, 18.694 HS, so với năm 2025 tăng 02 trường (Khu dân cư phía Đông Bắc tại phường Bích Động, khu nhà ở xã hội tại phường Vân Trung), tăng 5 cơ sở giáo dục mầm non độc lập, tăng 64 lớp, tăng 4.422 HS.

- Phấn đấu hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ mẫu giáo 4 tuổi vào năm 2025; 3 tuổi vào năm 2030. Tỉ lệ huy động nhà trẻ năm 2025 đạt 46,2% (tăng 10% so với năm học 2023-2024); năm 2030 đạt 47% (tăng 0,8% so với năm 2025).

- 100% nhóm, lớp mầm non được học 2 buổi/ngày; 100% trường đạt CQG mức độ 1 *(khi đủ thời gian theo quy định)*; số trường nâng CQG mức độ 2 là 06 (Vschool, Vân Trung, Hương Mai, Bảo Ngọc, Hoa Sữa, Tăng Tiến); các cơ sở GDMN tư thục đủ GV theo quy định, 100% GV đáp ứng chuẩn trình độ đào tạo.

b) Giáo dục Tiểu học

- Toàn thị xã có 19 trường[[9]](#footnote-9); năm 2025 có 674 lớp, 23.595 HS; so với năm 2023 tăng 32 lớp, tăng 2.100 HS; năm 2030 có 795 lớp, 27.732 HS; so với năm 2025 tăng 121 lớp tăng 4.137 HS.

- Huy động 100% trẻ 06 tuổi vào lớp 1, 100% HS lớp 5 hoàn thành chương trình TH; tỷ lệ đi học đúng độ tuổi đạt 99,5%; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3. 100% trường đạt CQG mức độ 1; số trường nâng CQG mức độ 2 là 04 (Hoàng Ninh, Tự Lạn, Nếnh, Tiên Sơn)

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông mới từ lớp 1 đến lớp 5; đảm bảo 100% HS được học 02 buổi/ngày, 100% HS từ lớp 3 đến lớp 5 được học Tin học và Tiếng Anh.

- Các cuộc thi cấp tỉnh: Duy trì, giữ vững chất lượng các cuộc thi trong tốp đầu của tỉnh, tăng dần số lượng và chất lượng.

- Xây dựng Trường Tiểu học Bích Sơn là trường điểm về cơ sở vật chất, đội ngũ và chất lượng giáo dục, là nơi tiếp thu các mô hình giáo dục mới để nhân rộng ra các trường thuộc thị xã.

c) Giáo dục THCS

- Đến năm học 2030, toàn thị xã có 20 trường THCS (công lập) với 427 lớp, 17.311 HS; năm 2030 có với 466 lớp 18.693 HS (so với năm 2023 tăng 01 trường, tăng 92 lớp, tăng 3831 HS).

- 100% trường đạt CQG mức độ 1 (tăng 01 trường); số trường nâng CQG mức độ 2 là 04 (Ninh Sơn, Quang Châu, Vân Hà, Tự Lạn).

- Hằng năm, duy trì tỉ lệ HS tốt nghiệp THCS đạt trên 99%, điểm trung bình học sinh thi lớp 10 THPT nằm trong nhóm 03 đơn vị dẫn đầu tỉnh; hàng năm có trên 50 học sinh thi đỗ vào trường THPT Chuyên Bắc Giang.

- Về HSG cấp tỉnh: HSG văn hóa xếp thứ 3/10; TDTT xếp thứ 4/10 huyện, thị xã, thành phố.

d) Giáo dục THPT

- Đến năm 2030 toàn thị xã có 07 trường THPT (tăng 01 trường tại khu Đình Trám-Sen Hồ, 01 trường liên cấp) với 466 lớp 18.693 HS (so với năm 2025 tăng 44 lớp, tăng 2.237 HS).

- 80% trường đạt CQG mức độ 1 (tăng 01 trường); 20% trường đạt CQG mức độ 2 (tăng 01 trường).

- Hằng năm, duy trì tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT đạt 100%, tiếp tục nâng cao chất lượng, số lượng thi vào đại học, cao đẳng; nâng tỷ lệ HS tốt nghiệp THPT đi học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ cao đẳng 45%.

- Về HSG cấp tỉnh: Từng bước tăng dần số lượng và chất lượng giải HS giỏi văn hoá, thể dục thể thao; Trường THPT Việt Yên số 1 nằm trong tốp 4 đơn vị dẫn đầu của tỉnh về đào tạo HSG.

e) Giáo dục nghề nghiệp-Giáo dục thường xuyên

- Hằng năm tuyển sinh khoảng 15% HS tốt nghiệp THCS vào học tại Trung tâm GDNN-GDTX.

- Đến năm 2030 có 466 lớp, 18693 HS; so với năm 2023 tăng 25 lớp, tăng 1165 HS.

- Trung tâm GDNN-GDTX của thị xã đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 2.

**2.2. Bố trí, sắp xếp GV**

a) Giai đoạn năm học 2025-2026

Năm học 2025-2026 toàn thị xã bố trí 2894 GV các bậc học. So với số GV được giao năm 2024 **tăng 445** GV. So với số GV có mặt tháng 02/2024 **tăng** **209** GV, trong đó:

b) Giai đoạn năm học 2030-2031

Đến năm học 2030-2031 toàn thị xã bố trí 3347 GV các bậc học. So với số GV (*biên chế và hợp đồng*) được giao năm 2024 **tăng** **453** GV. So với số GV có mặt tháng 4/2024 **tăng** **662** GV, trong đó:

**2.3. Cơ sở vật chất**

a) Đầu tư xây dựng CSVC giai đoạn 2024-2025

Tổng diện tích đất bổ sung các trường công lập và tư thục là 213249 m2. Xây dựng thêm 311 phòng học; 84 phòng học bộ môn; 15 nhà đa năng; 66 phòng hành chính quản trị; 59 phòng hỗ trợ học tập; 67 phòng phụ trợ; 8 phòng phục vụ sinh hoạt …

f) Đầu tư xây dựng CSVC giai đoạn 2026-2030

Tổng diện tích đất bổ sung các trường công lập và tư thục là 11000 m2. Xây dựng thêm 411 phòng học; 65 phòng học bộ môn; 13 nhà đa năng; 33 phòng hành chính quản trị; 22 phòng hỗ trợ học tập; 11 phòng phụ trợ; 17 phòng phục vụ sinh hoạt ...

**3. Nguồn kinh phí**

Để hoàn thành mục tiêu xây dựng các hạng mục công trình như trên đến năm 2030 thì tổng kinh phí 2.748.132 triệu đồng.

- Ngân sách phường, xã: 748.078 triệu đồng.

- Ngân sách thị xã: 1.716.156 triệu đồng.

Ngân sách đề nghị tỉnh, trung ương, nguồn vốn khác hỗ trợ: 283.899 triệu đồng.

**4. Nhiệm vụ và giải pháp**

**4.1. Tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền các cấp**

Tăng cường sự lãnh đạo của cấp ủy, điều hành của chính quyền địa phương trong việc triển khai và huy động các nguồn lực để thực hiện đầu tư xây dựng CSVC đối với cơ sở giáo dục MN, phổ thông và TTGDNNGDTX trên địa bàn. Xác định nhiệm vụ xây dựng CSVC trường học và xây dựng đội ngũ GV là nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế xã hội của cấp ủy, chính quyền các cấp hàng năm và từng giai đoạn. Cấp ủy, chính quyền các cấp tích cực huy động các nguồn lực, ưu tiên nhất việc bố trí ngân sách để đầu tư xây dựng CSVC trường học.

Nghiên cứu, từng bước đề xuất cơ chế hỗ trợ để thu hút đầu tư phát triển các trường MN, phổ thông tư thục trên địa bàn, giảm áp lực cho công lập; cơ chế hỗ trợ kinh phí đầu tư CSVC một số thị xã có khó khăn về nguồn thu ngân sách trong khi nhu cầu xây dựng CSVC lớn.

**4.2.** **Công tác vận động, tuyên truyền**

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về Quy hoạch tỉnh Bắc Giang thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Đồ án Quy hoạch chung đô thị Việt Yên, tỉnh Bắc giang đến năm 2045; Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/12/2023 của và các thông tư của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định tiêu chuẩn công nhận trường đạt chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn CSVC trường học, định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục MN, phổ thông, giáo dục thường xuyên.

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi mục đích, yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch đến các cấp, các ngành và nhân dân; xác định công tác truyền thông là nhiệm vụ quan trọng; công tác truyền thông giúp nhân dân hiểu rõ những chủ trương đổi mới, những nỗ lực của các cấp, các ngành, tăng cường sự phản biện nhân dân từ đó kịp thời điều chỉnh trong công tác quản lý, chỉ đạo điều hành, tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động; tạo sự đồng thuận của toàn xã hội đầu tư xây dựng CSVC trường học.

Hằng năm, phát động phòng trào “toàn dân chung tay xây dựng trường MN, trường phổ thông, trung tâm”; tổ chức tôn vinh cá nhân, tập thể có nhiều đóng góp trong việc xây dựng trường học như hiến đất, ủng hộ đầu tư xây dựng cơ sở vật.

Tăng cường tuyên truyền các tổ chức, cá nhân về chính sách, pháp luật, cơ chế, điều kiện đất đai, quy hoạch, ... để thu hút đầu tư, phát triển hệ thống trường tư thục, giảm áp lực cho công lập.

Tuyên truyền về chỉ tiêu tuyển dụng GV các bậc học trong thời kỳ; chính sách đãi ngộ với GV, nhất là các chính sách mới ... để thu hút HS giỏi tham gia học tập và tham gia tuyển dụng vào ngành sư phạm.

**4.3. Bảo đảm quỹ đất cho việc triển khai thực hiện**

Rà duyệt, bổ sung vào giai đoạn 2026-2030 diện tích đất mở rộng cho các trường MN, phổ thông chưa có trong Quy hoạch giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Quy hoạch sử dụng đất, Quy hoạch xây dựng.

Đối với các trường đã có trong Quy hoạch thì triển khai thực hiện, bảo đảm đủ diện tích đất để xây dựng bổ sung các hạng mục công trình như phòng học, phòng bộ môn, nhà đa năng, sân chơi bãi tập riêng cho từng bộ môn và các hạng mục phụ trợ; đồng thời đạt chuẩn về diện tích đất theo quy định của trường chuẩn quốc gia. Việc mở rộng diện tích đất và đầu tư xây dựng cho các cơ sở giáo dục phải được thực hiện đồng bộ, kịp thời.

Thực hiện các thủ tục đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 100% các cơ sở giáo dục (kể cả điểm chính và điểm lẻ) xong trong năm 2025.

**4.4. Huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng CSVC trường học**

UBND các cấp tập trung các nguồn lực, ưu tiên bố trí ngân sách đầu tư xây dựng CSVC cho các trường MN, phổ thông, TTGDNNGDTX theo mục tiêu và nội dung Kế hoạch này.

Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng CSVC trường học; tăng cường hoạt động của các Hội đồng giáo dục, Hội khuyến học, các đoàn thể trong và ngoài nhà trường nhằm tạo thêm nguồn lực phát triển giáo dục. Thực hiện có hiệu quả Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

**4.5. Phát triển đội ngũ GV**

Chú trọng xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ GV các cấp nhằm bảo đảm 100% GV các cấp đạt chuẩn nghề nghiệp và đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

Tạo nguồn, tuyển dụng đủ số lượng biên chế GV theo đúng định mức quy định; trường hợp thực hiện tinh giản biên chế theo quy định của trung ương, không bố trí đủ định mức biên chế GV thì giao đủ số lượng cho các cơ sở giáo dục hợp đồng theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện tốt công tác bố trí, sử dụng đội ngũ GV, khắc phục tình trạng thừa thiếu cục bộ giữa các trường và trên cùng địa bàn.

**5. Tổ chức thực hiện**

**5.1. UBND thị xã Việt Yên**

Chủ trì, tham mưu cho Thị ủy triển khai, tổ chức thực hiện Kế hoạch; phối hợp với các sở, ban, ngành của tỉnh để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc. Chủ động phối hợp với UBND các xã, phường để chỉ đạo và đôn đốc thực hiện kế hoạch chi tiết cho giai đoạn, từng năm. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổng hợp đánh giá kết quả hàng năm và giai đoạn. Tổng hợp báo cáo Thị ủy, UBND tỉnh theo quy định.

Tham mưu ban hành cơ chế hỗ trợ để thu hút đầu tư phát triển các trường phổ thông tư thục, giảm áp lực cho công lập.

Chủ trì, chỉ đạo đưa nội dung này vào kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm của thị xã. Phân bổ nguồn vốn đầu tư và các chương trình, kế hoạch hỗ trợ các địa phương, đơn vị theo quy định của pháp luật. Chủ trì thẩm định báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối nguồn vốn; tổ chức thanh tra, kiểm tra, giám sát hiệu quả đầu tư của các địa phương, đơn vị theo quy định.

Hướng dẫn UBND các xã, phường rà soát tình hình sử dụng đất để có kế hoạch điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, giải phóng mặt bằng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Hướng dẫn UBND các xã, phường, các cơ sở giáo dục tập trung cao lập hồ sơ và cấp quyền sử dụng đất đối với các cơ sở giáo dục (kể cả điểm chính và điểm lẻ) không có vướng mắc về hồ sơ đất xong trong năm 2024; đối với các cơ sở giáo dục còn vướng mắc về hồ sơ, thủ tục xong trong năm 2025.

Chỉ đạo Phòng Nội vụ phối hợp với Phòng GDĐT hằng năm xây dựng kế hoạch phân bổ biên chế; tuyển dụng, hợp đồng GV bảo đảm đủ về số lượng, có chất lượng, cơ cấu hợp lý, đúng theo quy định; kiểm tra, đôn đốc việc sắp xếp đội ngũ GV phù hợp với các cơ sở giáo dục, địa phương. Tăng cường tuyên truyền về chỉ tiêu tuyển dụng GV các bậc học trong thời kỳ; chính sách đãi ngộ với GV, nhất là các chính sách mới ... để tạo nguồn, thu hút sinh viên tham gia tuyển dụng vào ngành sư phạm.

**5.2. Đảng ủy các xã, phường trên địa bàn**

Xây dựng kế hoạch để tổ chức thực hiện. Bổ sung quy hoạch đất cho trường chưa có trong quy hoạch; bố trí quỹ đất để mở rộng, xây mới trường MN. TH, THCS. Đầu tư xây dựng CSVC; xây dựng phương án sắp xếp, quản lý sử dụng tài sản dôi dư sau dồn dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật, ưu tiên bố trí cơ sở vật chất dôi dư sau sắp xếp, dồn dịch cho cơ sở giáo dục ngoài công lập hoặc cơ sở giáo dục mầm non tư thục để tránh lãng phí tài sản nhà nước.

Chỉ đạo, tổ chức công tác tuyên truyền, quán triệt chủ trương để nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân về thực hiện kế hoạch.

Chủ động giải quyết, xử lý các tình huống phát sinh để việc triển khai thực hiện đúng kế hoạch và đạt hiệu quả cao. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch về Thị ủy để tổng hợp báo cáo Tỉnh ủy theo quy định.

**5.3. Đề nghị UBMTTQ thị xã và các tổ chức đảng, đoàn thể**

Bằng nhiều hình thức, tích cực tuyên truyền để toàn xã hội cùng tham gia hưởng ứng, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Kế hoạch.

Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc triển khai thực hiện để đảm bảo thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra.

Phối hợp chặt chẽ với chính quyền tổ chức giám sát và tuyên truyền vận động Nhân dân thực hiện tốt Kế hoạch này./.

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Thường trực Tỉnh ủy (b/c);- Văn phòng Tỉnh ủy *(b/c);*- Các đồng chí Thị ủy viên (c/đ);- Các chi bộ, đảng bộ trực thuộc; Các cơ quan, ban, ngành, MTTQ và các tổ chức chính trị- xã hội thị xã (t/h);- Văn phòng: LĐ, CV;- Lưu VT. | **T/M BAN THƯỜNG VỤ**BÍ THƯ**Nguyễn Văn Dũng** |

1. 23 điểm trường lẻ [↑](#footnote-ref-1)
2. 15 điểm trường lẻ [↑](#footnote-ref-2)
3. MN: 561 lớp, TH: 642 lớp, THCS: 374 lớp. [↑](#footnote-ref-3)
4. MN: 14.078 HS, TH: 21.495 HS, THCS: 14.862 HS. [↑](#footnote-ref-4)
5. Trường TH không quá 30 lớp, định trường MN không quá 20 lớp, nhóm trẻ. [↑](#footnote-ref-5)
6. MN Hoàng Ninh, Minh Đức, Nghĩa Trung, Quảng Minh, Tiên Sơn, Tự Lan, Thượng Lan, Trung Sơn, Việt Tiến [↑](#footnote-ref-6)
7. TH Ninh Sơn đủ số lớp tối đa: 30 lớp; 04 trường chưa đủ số lớp tối đa: Vân Hà, Vân Trung, Tự Lạn, Tăng Tiến [↑](#footnote-ref-7)
8. 19 trường công lập; 10 trường tư thục; có 18 điểm trường lẻ; dự kiến giảm 06 điểm lẻ: MN Thượng Lan giảm 01 điểm thôn Ruồng, MN Trung Sơn giảm 01 điểm thôn Nguyễn; MN Hương Mai giảm 02 điểm tại thôn Xuân Hòa và Mai Thượng, MN TT Nếnh giảm 01 điểm tại thôn Yên Ninh, MN Hồng Thái giảm 01 điêm trường tại thôn Hùng Lãm. [↑](#footnote-ref-8)
9. Có 12 điểm trường lẻ; dự kiến giảm 03 điểm trường lẻ: Phúc Lâm thuộc TH Hoàng Ninh, Nghĩa Thượng thuộc TH Minh Đức, Cao Lôi thuộc TH Ninh Sơn. [↑](#footnote-ref-9)